

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TRỪNG KHÁNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH CAO BẰNG

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 3 - 2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp*
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Quang Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Dự

Bà Ngôn Thị Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị Thu H, sinh năm 1994; địa chỉ: xóm G, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: xóm G, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/12/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị Nông Thị Thu H trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T là vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đi đăng ký kết hôn theo pháp luật, đăng ký ngày 15/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại xóm G, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng và có một con chung tên là Hoàng Thiên P, sinh ngày 02/12/2019.

Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khoảng đầu năm 2021 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người có quan điểm sống khác nhau, không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống

không hạnh phúc, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Hiện chị không còn tình cảm với anh T và không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh T nữa, thực tế hai người đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/3/2025, chị H giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2025, bị đơn Hoàng Văn T xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị H trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do quan điểm sống khác nhau, tính cách khác nhau; năm 2022 anh có sử dụng trái phép chất ma túy và phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cao Bằng. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh không nhất trí vì muốn con được sống với cả bố và mẹ. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn với chị Nông Thị Thu H.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án, công bố lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị Thu H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thiên P, sinh ngày 02/12/2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nông Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Hoàng Văn T cư trú tại xóm G, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn Hoàng Văn T đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Nông Thị Thu H yêu cầu ly hôn anh Hoàng Văn T, yêu cầu được trực tiếp nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh T đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại các Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh T là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận kể từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, theo chị H thì sau khi kết hôn được một thời gian giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong xử lý công việc, từ đó nhiều lần cãi vã xung đột làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, hai vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Anh Hoàng Văn T không nhất trí ly hôn vì muốn con được sống với cả bố và mẹ. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Việc anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, nghiện ma túy và phải đi cai nghiện bắt buộc là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng như hiện nay. Việc anh T cho rằng không nhất trí ly hôn vì muốn con được sống với cả bố và mẹ nhưng cũng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong khoảng thời gian ly thân từ năm 2021 đến nay anh T cũng không có cách hòa giải, thuyết phục để hai mẹ con quay lại sinh sống cùng nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Từ những phân tích và nhận định trên đây thấy rằng, cuộc sống vợ chồng chị H, anh T không thể hàn gắn lại được, gia đình không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị H và anh T có 01 con chung tên là Hoàng Thiên P, sinh ngày 02/12/2019. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu P hiện nay còn nhỏ (dưới 07 tuổi) đang sống cùng với chị H bên nhà bố mẹ chị H và được tạo điều kiện học hành; chị H là cán bộ nhà nước nên có thu nhập ổn định, cháu P cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ. Xét thấy, chị H đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường cho cháu P nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về yêu cầu nuôi con chung của anh T: Anh T hiện không có công việc có thu nhập ổn định, bản thân mới đi cai nghiện bắt buộc về địa phương. Xét thấy, anh T không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vậy nên, Tòa án không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn của anh T.

Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đề sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều

273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Thu H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thiên P, sinh ngày 02/12/2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế. Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002772 ngày 26/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị Thu H, anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- UBND xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Quang Toàn